

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/DS-ST
Ngày: 19- 10- 2017
V/v tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hùng.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 9, ngày 19 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2016/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2016 về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 13 ấp T, xã P, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Đặng Thị Bích P, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 334/3 ấp Đ, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2016); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Võ Thị T là Luật sư của Văn phòng luật sư Xuân H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bà Hồ Thị Xuân H là Luật sư của Văn phòng luật sư Xuân H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hồng C, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Số 74c Khu 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; tạm trú: Số 335A ấp Đ, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Dương Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 219 Khóm A, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Công ty cổ phần thủy sản H; địa chỉ: Khu C khu công nghiệp S, phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần thủy sản H: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 160 ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần thủy sản H (Văn bản ủy quyền ngày 26/7/2017); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 01 năm 2016 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Đặng Thị Bích P trình bày là chị H có đứng tên chủ sở hữu 01 chiếc xe AirBlade biển số 67D1- 405.92, số máy JF46E5526018, số khung 4619EY826185, giấy chứng nhận số 006511 do Công an huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 20/5/2015.

Chị H là người chở cá thường xuyên cho một doanh nghiệp và doanh nghiệp này có hợp đồng với Công ty cổ phần thủy sản H (gọi tắt là Công ty H) tại khu công nghiệp C, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Khoảng 10 giờ sáng ngày 30/11/2015, trước khi đi chở cá cho công ty H thì chị H gửi chiếc xe AirBlade biển số 67D1- 405.92 trên ở bãi giữ xe của Công ty H. Anh Hồng C có giao cho chị H 01 phiếu giữ xe ghi số 498, có đóng dấu của Công ty H và giữa hai bên không thỏa thuận thời gian nhận lại xe. Đến ngày 03/12/2015, chị H đến bãi giữ xe của Công ty H nhận lại xe thì anh C cho biết chiếc xe của chị H đã mất vào ngày 01/12/2015 nên chị H có đến Công an phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp trình báo mất xe. Lời khai của chị Nguyễn Thị H tại biên bản lấy lời khai của Công an phường Đ ngày 03/12/2015 về việc thẻ giữ xe và giấy tờ xe bị mất khi đã được chị H mang xuống ghe là không đúng, vì lúc cho lời khai tại Công an phường Đ chị H thiếu bình tĩnh nên trình bày chưa rõ. Mà thời điểm mất xe, trong cốp xe có 01 cái bóp, trong bóp có giấy tờ tùy thân của chị H và 01 phiếu giữ xe số 498 mà anh C đã giao cho chị H mới đúng. Sự việc được Công an phường Đ xác minh, nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Tại phiên tòa chị P trình bày là ngày 01/12/2015 anh Dương Văn T (là bảo vệ của Công ty H) có gặp chị H và hỏi chị H có lấy xe chưa, thì chị H nói đã lấy xe rồi, nhưng cho rằng sáng ngày 30/11/2015 chị H có hai lần gửi xe vào bãi giữ

xe của Công ty H, lần gửi thứ nhất chị H nhận xe rồi, sau đó gửi xe lại lần thứ hai vào khoảng 10 giờ sáng cùng ngày và ở lần gửi xe thứ hai thì chị H chưa nhận xe.

Nay chị H yêu cầu anh C, anh T và Công ty cổ phần thủy sản H phải liên đới bồi thường cho chị H giá trị chiếc xe AriBlade biển số 67D1- 405.92 là 47.500.000đ. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là 01 phiếu giữ xe ghi số 498 có đóng dấu của Công ty H do anh C giao cho chị H khi chị H gửi xe vào bãi giữ xe của Công ty H, anh C và anh T là nhân viên bảo vệ phụ trách trông giữ bãi giữ xe của Công ty H ngày chị H bị mất xe, chiếc xe của chị H bị mất trong bãi giữ xe của Công ty H. Trường hợp anh C và anh T cho rằng chị H đã lấy xe khỏi bãi giữ xe thì phải xuất trình phiếu giữ xe số 498.

- Anh Hồng C trình bày là vào năm 2015 anh C là bảo vệ của Công ty H, được giao nhiệm vụ giữ xe tại nhà xe của Công ty H. Theo quy định của Công ty H, nhà giữ xe Công ty dùng để giữ xe cho nhân viên và công nhân của Công ty, đối với những người làm việc trên các ghe chở cá thuê (bao gồm chủ ghe, nhân viên bốc xếp trên ghe) như trường hợp của chị H thì Công ty H không quy định rõ ràng là có cho phép những người này gửi xe trong nhà xe Công ty không, nhưng trước khi anh C và anh T nhận nhiệm vụ giữ xe cho nhà xe Công ty thì việc giữ xe cho những đối tượng nêu trên đã diễn ra. Do vậy anh C và anh T vẫn cho phép những đối tượng này gửi xe vào nhà xe Công ty H.

Anh C thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chị H gửi xe, số phiếu giữ xe khi anh C nhận giữ xe cho chị H là số 498. Anh C không nhớ biển số xe của chị H, chỉ nhớ xe của chị H nhãn hiệu AirBlade và màu đen. Sự việc mất xe xảy ra vào thời điểm nào anh C không rõ, tuy nhiên vào sáng ngày 01/12/2015 khi anh C đến nhận ca trực thì anh C không thấy xe của chị H trong nhà giữ xe của Công ty H và người trực ca tối ngày 30/11/2015 là anh Dương Văn T. Anh C nhờ anh T gặp chị H hỏi chị H có lấy xe chưa. Khi anh T trở về có thông báo lại với anh C là chị H đã lấy xe và giao thẻ giữ xe lại rồi. Đến ngày 03/12/2015 chị H đến lấy xe, anh C cho chị H hay là không có xe của chị H trong bãi giữ xe và chị H trình báo Công an phường Đ, thành phố S xác minh, nhưng chưa có kết quả.

Việc chị H yêu cầu anh C, anh T và Công ty cổ phần thủy sản H liên đới bồi thường giá trị chiếc xe AriBlade biển số 67D1- 405.92 số tiền 47.500.000đ, anh C không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 47.500.000đ theo yêu cầu của chị H, vì chị H đến lấy xe nhưng không xuất trình được phiếu giữ xe số 498 trên. Trường hợp chị H xuất trình được phiếu giữ xe số 498 có đóng dấu treo của Công ty H thì anh C đồng ý liên đới cùng anh T và Công ty cổ phần thủy sản H bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của chị H. Anh C thống nhất giá trị chiếc xe AriBlade biển số 67D1- 405.92 của chị H là 47.500.000 đồng. Tại phiên tòa anh C cho rằng nếu chị H xuất trình được phiếu giữ xe số 498 có đóng dấu treo của Công ty H, thì anh C đồng ý một mình bồi thường thiệt hại cho chị H số tiền 47.500.000đ.

- Anh Dương Văn T trình bày là thời điểm chị H mất xe thì anh T là bảo vệ của Công ty H và được giao trách nhiệm cùng với anh Hồng C giữ xe cho nhà xe

Công ty H. Hôm sự việc mất xe được phát hiện thì anh T là bảo vệ trực ca đêm, còn anh C trực ca ngày. Trước sự việc mất xe được phát hiện khoảng 02 ngày khi anh T giao ca cho anh C thì anh C có nhờ anh T đến gặp chị Nguyễn Thị H để hỏi chị H xem chị H có lấy xe và trả thẻ giữ xe chưa. Khi anh T đến hỏi chị H thì chị H trả lời là chị H lấy xe và trả thẻ giữ xe rồi. Anh T trở về và báo lại nội dung sự việc cho anh C.

Nay anh T không đồng ý liên đới cùng anh Hồng C và Công ty cổ phần thủy sản H bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe AriBlade biển số 67D1- 405.92 số tiền 47.500.000đ theo yêu cầu của chị H. Vì anh T cho rằng việc chị H có gửi xe trong nhà xe của Công ty hay không, xe của chị H như thế nào và sự việc mất xe xảy ra khi nào anh T hoàn toàn không biết. Sau khi sự việc mất xe được phát hiện ngày 03/12/2015 thì Công an phường Đ có mời anh T, anh C và chị H đến làm việc và anh T cũng trình bày như đã trình bày trên.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần thủy sản H trình bày là vào ngày 09/11/2015, Phòng Tổ chức- Hành chính Công ty cổ phần thủy sản H có ban hành thông báo số 74.2015/HHF/TB về việc thực hiện giữ xe nhân viên, công nhân do Tổng giám đốc phê duyệt. Theo như nội dung thông báo này, Công ty quy định trách nhiệm của bảo vệ nhà xe là phải sắp xếp xe ngay hàng, gọn gàng; phát thẻ xe khi xe vào nhà xe và thu hồi lại thẻ xe khi xe ra khỏi cổng nhà xe; không nhận giữ xe cho bất kỳ cá nhân nào không phải là nhân viên, công nhân Công ty. Công ty còn quy định trách nhiệm của nhân viên, công nhân khi tham gia gửi xe tại nhà xe Công ty.

Sự việc chị Nguyễn Thị H có gửi xe vào nhà xe Công ty H hay không, việc mất xe như thế nào lãnh đạo Công ty H hoàn toàn không biết. Đến ngày 03/12/2015, Tổ trưởng tổ bảo vệ có báo cáo vào lúc 13 giờ 10 phút chủ ghe T (đơn vị vận chuyển cá tra nguyên liệu) có báo với Tổ bảo vệ của công ty rằng chị Nguyễn Thị H (chủ ghe vận chuyển cá cho một đơn vị có ký kết hợp đồng vận chuyển với Công ty) bị mất 01 chiếc xe máy, chìa khóa xe và giấy tờ xe để dưới ghe cũng bị mất, sự việc mất xe đã được Công an phường Đ thụ lý để làm rõ, nhưng đến nay Công ty H vẫn chưa nhận được thông tin cụ thể về vụ việc này từ Tổ bảo vệ của Công ty, anh Hồng C, anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H cũng như Công an phường Đ.

Nay Công ty cổ phần thủy sản H không đồng ý bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe AriBlade biển số 67D1- 405.92 số tiền 47.500.000đ theo yêu cầu của chị H. Vì Công ty H không tổ chức giữ xe cho những đối tượng không phải là nhân viên, công nhân của Công ty H như trường hợp của chị Nguyễn Thị H. Công ty cổ phần thủy sản H thống nhất giá trị chiếc xe AriBlade biển số 67D1- 405.92 của chị H là 47.500.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Ngày 30/11/2015 khi chị H gửi chiếc xe AriBlade biển số 67D1- 405.92 tại bãi giữ xe của Công ty H thì chị H đã nhận được phiếu giữ xe số 498 từ anh C. Khi đến lấy xe ra khỏi bãi giữ xe thì chị H phải xuất trình phiếu giữ xe số 498 để chứng minh chị H chưa nhận lại xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị H tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với anh Hồng C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh C cư trú tại số 335A ấp Đ, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng theo quy định tại Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị H có đứng tên chủ sở hữu 01 chiếc xe AirBlade biển số 67D1- 405.92, màu sơn đen, số máy JF46E5526018, số khung 4619EY826185, giấy chứng nhận số 006511 do Công an huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 20/5/2015 là thật, có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy do chị H đứng tên để chứng minh.

Vào ngày 30/11/2015 chị Nguyễn Thị H có đến bãi giữ xe của Công ty H tại khu công nghiệp C, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp gửi 01 chiếc xe nhãn hiệu AirBlade biển số 67D1- 405.92, màu sơn đen, do chị Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và anh Hồng C có giao cho chị H 01 phiếu giữ xe số 498 có đóng dấu của công ty H là có thật, được anh C thừa nhận. Nhưng anh C cho rằng anh C không nhớ rõ biển số xe của chị H và nội dung này được chị H chứng minh bằng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 67D1- 405.92, màu sơn đen do chị H đứng tên chủ sở hữu.

Ngày 03/12/2015 khi xảy ra sự việc mất chiếc xe máy biển số 67D1- 405.92, màu sơn đen do chị H đứng tên chủ sở hữu, thì chị H có đến Công an phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp trình báo mất xe. Công an phường Đ có lấy lời khai chị H, anh C và anh Dương Văn T để làm rõ nội dung vụ việc, ngày 28/12/2015 Công an thành phố S đã ra thông báo truy tìm vật chứng số 04, truy tìm xe bị mất và khi nào truy tìm được vật chứng là xe mô tô biển số 67D1- 405.92 Công an thành phố S sẽ giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật là thật, được các đương sự trong vụ án thừa nhận.

Xét thấy phiếu giữ xe số 498 có đóng dấu treo của Công ty H là chứng cứ của việc gửi giữ tài sản giữa chị H và anh C.

Việc chị H yêu cầu anh C và anh T xuất trình phiếu giữ xe số 498 để chứng minh chị H đã nhận lại xe, nếu anh C và anh T không cung cấp được phiếu giữ xe số 498 thì phải bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe AriBlade biển số 67D1- 405.92 cho chị H số tiền 47.500.000đ do anh C và anh T làm mất chiếc xe của chị H.

Tuy nhiên anh C cũng yêu cầu chị H phải xuất trình phiếu giữ xe số 498, nếu không xuất trình được thì xem như chị H đã nhận lại xe và anh C không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của chị H, trường hợp chị H xuất trình được phiếu giữ xe số 498 thì anh C đồng ý một mình bồi thường số tiền 47.500.000đ cho chị H.

Anh T và Công ty H không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của chị H vì anh T cho rằng việc chị H có gửi xe trong nhà xe của Công ty hay không, xe của chị H như thế nào và sự việc mất xe xảy ra khi nào anh T hoàn toàn không biết. Đối với Công ty H thì cho rằng Công ty H không tổ chức giữ xe cho những đối tượng không phải là nhân viên, công nhân của Công ty H như trường hợp của chị Nguyễn Thị H.

Thực tế chị H không chứng minh được phiếu giữ xe số 498 chị H đang giữ mà cho rằng phiếu giữ xe để trong cốp xe nên khi mất xe đã mất luôn phiếu giữ xe số 498. Lời trình bày này không được anh C thừa nhận, đồng thời tại biên bản lấy lời khai chị H của Công an phường Tân Quy Đông ngày 03/12/2015 thì chị H trình bày là thẻ giữ xe và giấy tờ xe bị mất khi đã được chị H mang xuống ghe. Song tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của chị H cho rằng do lúc Công an phường Đ lấy lời khai, chị H thiếu bình tĩnh nên trình bày chưa rõ. Do lời trình bày của chị H trước đó và hiện nay mâu thuẫn nhau, cụ thể tại Công an phường Đ ngày 03/12/2015 chị H trình bày là thẻ giữ xe và giấy tờ xe bị mất khi đã được chị H mang xuống ghe, hiện nay cho rằng tại thời điểm mất xe, trong cốp xe có 01 bóp, trong bóp có giấy tờ tùy thân của chị H và 01 phiếu giữ xe số 498 mà anh C đã giao cho chị H hôm chị H đến gửi xe. Đồng thời tại phiên tòa anh C, anh T trình bày là sáng ngày 01/12/2015 khi anh C đến nhận ca trực đã không thấy chiếc xe của chị H trong bãi giữ xe, nên anh C có nhờ anh T xuống ghe gặp chị H hỏi có lấy xe chưa thì chị H nói đã lấy xe rồi. Lời trình bày của anh C và anh T được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận, nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng sáng ngày 30/11/2015 chị H có hai lần gửi xe vào bãi giữ xe của Công ty H, lần gửi thứ nhất chị H nhận xe rồi, sau đó gửi xe lại lần thứ hai vào khoảng 10 giờ sáng cùng ngày và ở lần gửi xe thứ hai thì chị H chưa nhận xe, song khi đó chị H chỉ trả lời với anh T là lấy xe rồi chứ không nói lần gửi xe thứ hai vào khoảng 10 giờ sáng ngày 30/11/2015 chị H chưa nhận lại. Như vậy lời trình bày của chị H là không trung thực và thiếu khách quan.

Từ những cơ sở trên, xét thấy chị H khởi kiện tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với anh C, nhưng không có chứng cứ chứng minh phiếu giữ xe số 498 có đóng dấu treo của Công ty H chị H đang giữ, song chiếc xe AirBlade biển số 67D1- 405.92 của chị H không còn trong bãi giữ xe của Công ty H mà cho rằng khoảng thời gian anh C và anh T nhận trông giữ chiếc xe AirBlade biển số 67D1- 405.92 của chị H đã làm mất chiếc xe và trong xe cốp xe có phiếu giữ xe số 498, nên chị H không cung cấp được phiếu giữ xe số 498 trên là không phù hợp. Do chị H không chứng minh được có thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, nên việc chị H yêu cầu anh C, anh T và Công ty cổ phần thủy sản H phải liên đới bồi thường cho chị H giá trị chiếc xe AirBlade biển số 67D1- 405.92 là 47.500.000đ là không có căn cứ, không được Tòa án chấp nhận.

[3] Do toàn bộ yêu cầu của chị H không được Tòa án chấp nhận nên chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: Thực tế hợp đồng gửi giữ tài sản giữa chị H và anh C đã được xác lập. Tuy nhiên anh C, anh T là nhân viên bảo vệ của Công ty H đã không làm tròn trách nhiệm giữ xe, vì khi chị H đến lấy xe thì chiếc xe chị H đã gửi ngày 30/11/2015 không còn trong bãi giữ xe của Công ty H, nên anh C và anh T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Do anh C và anh T là bảo vệ của Công ty H, phiếu giữ xe số 498 có đóng dấu treo của Công ty H, nên khi chiếc xe của chị H bị mất thì Công ty H cũng phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại. Từ những căn cứ trên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề xuất quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh C, anh T và Công ty cổ phần thủy sản H phải liên đới bồi thường cho chị H giá trị chiếc xe AirBlade, biển số 67D1- 405.92 là 47.500.000đ. Xét thấy đề xuất quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ, nên không được Tòa án chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề xuất Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị H do chị H không đủ chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét đề xuất của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn Hồng C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn T và Công ty cổ phần thủy sản H liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho chị H giá trị chiếc xe AirBlade biển số 67D1- 405.92 do chị Nguyễn Thị H đứng tên chủ sở hữu số tiền là 47.500.000đ (Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 2.375.000đ (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.188.000đ (Một triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 037249 ngày 23/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Chị H còn phải nộp 1.187.000đ (Một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đ/s;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng